

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 7 – 2022

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hoàng Sơn

2. Ông Phan Bảo Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Tuyết M**, sinh năm: 1985. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Đường LHP, khóm G, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Bùi Minh Đ**, sinh năm: 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường NM, khóm H, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Phạm Tuyết M trình bày và xác định yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Minh Đ chung sống với nhau vào năm 2006 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau vào ngày 24/6/2013. Thời gian chung sống, chị và anh Đ phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp được với nhau nên hôn nhân không hạnh phúc, chị và anh Đ đã ly thân từ cách đây trên 02 năm và không còn sống chung nhà. Anh Đ có tình cảm với người phụ nữ khác và không còn thương chị. Trước đây chị có nộp đơn xin ly hôn anh Đ nhưng chị đã

rút lại đơn khởi kiện để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn nhằm hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với anh Đ nhưng anh Đ không có thiện chí hàn gắn với chị. Nay chị không còn tình cảm với anh Đ nên chị xin ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Bùi Minh Đ có 01 người con chung tên Bùi Thị N, sinh ngày 03/01/2007, đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh Đ không có nợ chung.

Đối với anh Bùi Minh Đ: Tòa án đã tổng đạt cho anh Đ Thông báo thụ lý vụ án; nhiều lần thông báo cho anh Đ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; nhiều lần triệu tập anh Đ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Đ vẫn không có mặt tại Tòa án theo thông báo, triệu tập của Tòa án, cũng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Tuyết M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Tuyết M và anh Bùi Minh Đ có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay chị M xin ly hôn. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Anh Đ có địa chỉ cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết. Anh Đ đã được triệu tập họp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án đến lần thứ hai mà anh Đ vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Phạm Tuyết M và anh Bùi Minh Đ chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị M và anh Đ được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị M xác định thời gian chị và anh Đ chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nên hôn nhân không còn hạnh phúc, chị và anh Đ đã ly thân, chị cũng không còn thương anh Đ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn. Đối với anh Bùi Minh Đ: Anh Đ đã được thông báo về việc chị M xin ly hôn, được triệu tập đến Tòa án tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không rõ lý do, anh Đ cũng không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Tuyết M. Điều đó thể hiện anh Đ không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị M. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị M và anh Đ xảy ra nhưng không ai có giải pháp hiệu quả để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Chị M xác định chị và anh Đ đã ly thân và không còn sống chung nhà. Do đó, dù có duy trì hôn nhân của chị M và anh Đ về mặt pháp lý thì mục đích hôn nhân của chị M và anh Đ cũng không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không hàn gắn được, đời sống chung không còn tồn tại nên Hội

đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị M ly hôn anh Đ

[3] Về con chung: Chị M xác định chị và anh Đ có 01 người con chung Bùi Thị N, sinh ngày 03/01/2007, đang sống chung với chị. Chị M yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng; anh Đ không có ý kiến phản đối gửi Tòa án; cháu N cũng có nguyện vọng sống chung với chị M nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cháu Bùi Thị N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị M xác định chị và anh Đ không có tài sản chung. Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị M xác định chị và anh Đ không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Tuyết M về việc xin ly hôn anh Bùi Minh Đ.

2 - Về con chung: Giao con chung của chị Phạm Tuyết M và anh Bùi Minh Đ tên Bùi Thị N, sinh ngày 03/01/2007 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4 - Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Phạm Tuyết M phải chịu 300.000 đồng. Ngày 05/4/2022, chị M đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0001117) được đối trừ, chuyển thu nộp ngân sách Nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị phạm Tuyết M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Minh Đ vắng mặt tại phiên tòa, có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Cà Mau;
- THADS Tp. Cà Mau;
- UBND xã T, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân